

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thạch Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Thạch Hà;

Xét đề nghị của UBND huyện Thạch Hà tại Tờ trình 2150/TTr-UBND ngày 27/10/2022; của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4534/TTr-STMMT ngày 05/12/2022 và Văn bản số 4781/STNMT-ĐĐ2₅ ngày 20/12/2022; Thống nhất ý kiến Thành viên UBND tỉnh (qua Phần mềm TD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Thạch Hà, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Địa điểm	Vị trí trên bản đồ KHSD đất
						LUA	RPH	RDD	Đất khác		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất (6 CTDA)		2,76		2,76	2,24			0,52		
1.1	Đất phát triển hạ tầng		1,06		1,06	0,96			0,10		
1.1.1	Đất giao thông		0,06		0,06	0,06					
1	Cầu Bàu Láng	DGT	0,06		0,06	0,06				Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	444
1.1.2	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		1,00		1,00	0,90			0,10		
1	Đất Nghĩa trang nghĩa địa	NTD	1,00		1,00	0,90			0,10	Thôn Trung Tiến, Hoà Bình, Thống Nhất, xã Việt Tiến	447
1.2	Đất sinh hoạt cộng đồng		1,54		1,54	1,28			0,26		
1	Nhà văn hoá thôn Nam Thắng	DSH	0,56		0,56	0,30			0,26	Thôn Nam Thắng	448
2	Nhà văn hoá thôn Cao Thắng	DSH	0,53		0,53	0,53				Thôn Cao Thắng, Nam Thắng, Trung Phú xã Thạch	449

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Địa điểm	Vị trí trên bản đồ KHSD đất
						LUA	RPH	RDD	Đất khác		
										Thắng	
3	Nhà văn hoá thôn Trung Phú	DSH	0,45		0,45	0,45				Thôn Trung Phú, xã Thạch Thán	450
1.3	Đất ở tại nông thôn		0,16		0,16				0,16		
1	Đất ở nông thôn	ONT	0,16		0,16				0,16	Thôn Long Minh, xã Việt Tiến	451
II	Các công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất (6 CT, DA)		16,15		16,15	1,61			14,54		
2.1	Đất nông nghiệp		7,78		7,78				7,78		
2.1.1	Đất trồng cây lâu năm		7,78		7,78				7,78		
1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7,78		7,78				7,78	Thôn Trung Tâm, xã Ngọc Sơn, Thôn Thống nhất, Việt Yên, xã Nam Điền	452
2.2	Đất Phi nông nghiệp		8,37		8,37	1,61			6,76		
2.2.1	Đất thương mại, dịch vụ		0,90		0,90	0,90					
1	Đất Thương Mại Dịch vụ	TMD	0,90		0,90	0,90				Thôn La Xá, xã Tân Lâm Hương	453

STT	Tên công trình, dự án	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Địa điểm	Vị trí trên bản đồ KHSD đất
						LUA	RPH	RDD	Đất khác		
2.2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		1,40		1,40				1,40		
1	Đất sản xuất kinh doanh	SKC	1,40		1,40				1,40	Thôn Hưng Hoà, Tân Sơn xã Nam Điền	454
2.3.1	Đất ở tại nông thôn		6,07		6,07	0,71			5,36		
1	Đất ở nông thôn	ONT	0,22		0,22	0,22				Vùng Cửa Trước, thôn Tiên bộ, xã Tân Lâm Hương	459
2	Đất ở nông thôn	ONT	0,85		0,85	0,49			0,36	Thôn Mộc Hải, thôn Đông Châu, xã Thạch Ngọc	468
3	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở	ONT	5,00		5,00				5,00	Toàn huyện Thạch Hà	470
12	Tổng (A+B): 12 CT, DA		18,91		18,91	3,85			15,06		

2. Tổng hợp số liệu sau khi bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

DVT: Ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được duyệt tại quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		35.356,71	35.356,71
1	Đất nông nghiệp	NNP	23.146,38	23.135,51
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.144,11	9.139,9
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>8.217,41</i>	<i>8.213,24</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.428,50	1.428,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.298,11	3.300,89
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.892,18	2.892,18
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	4.903,56	4.894,38
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>259,47</i>	<i>259,47</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.075,43	1.075,43
1.8	Đất làm muối	LMU	75,00	75
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	329,50	329,5
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	10.574,26	10.585,29
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	91,01	91,01
2.2	Đất an ninh	CAN	105,36	105,36
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	19,96	19,96
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	253,73	254,63
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	141,93	143,33
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	489,20	489,2
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	159,09	159,09
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.166,79	5.167,75
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	3.075,36	3.075,319
-	Đất thủy lợi	DTL	1.248,43	1.248,43
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,93	3,93
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,20	9,2
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	101,53	101,53
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	99,34	99,34
-	Đất công trình năng lượng	DNL	24,86	24,86
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,92	1,92

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được duyệt tại quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	20,38	20,38
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	18,72	18,72
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	26,38	26,38
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	526,24	527,24
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	
-	Đất chợ	DCH	10,49	10,49
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	43,97	45,51
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,27	7,27
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.873,58	1.879,81
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	151,08	151,08
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25,74	25,74
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,99	6,99
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	73,90	73,9
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.366,49	1.366,487
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	598,17	598,17
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.636,07	1.635,91

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Thạch Hà theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTr: Huyện ủy, HĐND huyện Thạch Hà;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh